|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/NQ-HĐND  **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT** | *Bắc Ninh, ngày tháng năm 2024* |

**NGHỊ QUYẾT**

**BAN HÀNH QUY ĐỊNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIA BÌNH, LƯƠNG TÀI ĐẾN NĂM 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ …..**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày..... tháng..... năm...............;*

*Căn cứ........................................ ;*

*Xét Tờ trình................................................................................; Báo cáo thẩm tra của...; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy định về hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài”.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2024 đến ngày 31/12/2030./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** -  - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**VỀ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIA BÌNH, LƯƠNG TÀI ĐẾN NĂM 2030**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Văn bản này quy định cụ thể về hỗ trợ các hoạt động sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sơ chế, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- Các cá nhân, tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật, tham gia các hoạt động sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sơ chế, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài;

- Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến điều hành, quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ hoạt động sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sơ chế, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài.

**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng**

1. Trong quá trình thực hiện, đảm bảo nguyên tắc chỉ hỗ trợ sau khi đã thực hiện xong nội dung công việc và hỗ trợ trực tiếp cho người sản xuất.

2. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phải đảm bảo đầy đủ điều kiện được hỗ trợ, các cam kết (nếu có) và hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định này, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực trong kê khai hồ sơ và các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp không thực hiện đầy đủ cam kết, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi kinh phí đã hỗ trợ theo nguyên tắc cấp nào quyết định hỗ trợ thì cấp đó quyết định thu hồi.

3. Thủ trưởng cơ quan, cán bộ thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thẩm định theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4.** **Hỗ trợ vùng sản xuất cà rốt, tỏi tập trung nằm trong quy hoạch, kế hoạch của cấp có thẩm quyền**

**1.** **Hỗ trợ tổ chức, cá nhân thuê, cho thuê quyền sử dụng đất để sản xuất tỏi, cà rốt tập trung**

**1.1.** **Nội dung và mức hỗ trợ:**

a) Tổ chức, cá nhân thuê quyền sử dụng đất có 01 hay nhiều hợp đồng thuê quyền sử dụng đất để sản xuất cà rốt, tỏi tập trung sẽ được hỗ trợ 50 triệu đồng/ha cho tổ chức, cá nhân thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để sản xuất cà rốt, tỏi tập trung, chia đều 02 đợt, đợt 01 sau khi sản xuất vụ đầu; đợt 02 sau khi sản xuất vụ cuối cùng của năm sản xuất thứ 03.

b) Hộ gia đình, cá nhân cho thuê quyền sử dụng đất tại hợp đồng thuê đất ở điểm a, khoản 1 Điều này để thực hiện tập trung đất đai được hỗ trợ một lần 100 triệu đồng/ha, cùng với đợt 01 của tổ chức, cá nhân thuê quyền sử dụng đất.

**1.2. Điều kiện hỗ trợ:**

a) Trực tiếp thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (không thuê lại của bên đi thuê khác);

b) Diện tích đất tập trung phải liền bờ, liền thửa (có thể cách mương, đường đi), có quy mô từ 02 ha trở lên;

c) Diện tích hỗ trợ nằm trong vùng quy hoạch, kế hoạch sản xuất tỏi, cà rốt tập trung của cấp có thẩm quyền;

d) Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất tối thiểu là 05 năm, có công chứng hoặc chứng thực của UBND cấp xã;

đ) Được chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm và tương đương trở lên

e) Cam kết sản xuất cà rốt/tỏi tập trung tối thiểu 03 năm kể từ khi được hỗ trợ tích tụ ruộng đất và chấp hành đúng các quy định liên quan của pháp luật.

**1.3. Trình tự thủ tục hỗ trợ:**

a) Đối với hỗ trợ đợt 01

Sau khi tiến hành sản xuất vụ đầu tiên (tính từ thời điểm chuẩn bị hồ sơ đề nghị hỗ trợ), bên thuê quyền sử dụng đất làm đơn đề nghị nghiệm thu diện tích sản xuất đợt 01, kèm theo kế hoạch sản xuất và hồ sơ liên quan (bản sao công chứng hợp đồng thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chủ thửa đất hoặc trích lục thửa đất thuê có xác nhận của UBND cấp xã; Bảng kê diện tích thuê đất có ký nhận của hộ gia đình, cá nhân có ruộng cho thuê; trích lục thửa đất thuê) gửi UBND cấp xã, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với bên thuê là cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã); gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với bên thuê là doanh nghiệp, tổ chức khác) để tổ chức nghiệm thu diện tích sản xuất đợt 01.

b) Đối với hỗ trợ đợt 2

Sau khi tiến hành sản xuất vụ cuối cùng của năm thứ 03 (tính từ vụ đầu được hỗ trợ), bên thuê quyền sử dụng đất làm đơn đề nghị nghiệm thu diện tích sản xuất đợt 02, kèm theo báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất tính đến thời điểm đề nghị nghiệm thu đợt 02 gửi UBND cấp xã, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với bên thuê là cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã); gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với bên thuê là doanh nghiệp, tổ chức khác) để tổ chức nghiệm thu diện tích sản xuất đợt 02;

c) Công tác nghiệm thu:

UBND cấp xã tổ chức nghiệm thu đối với bên thuê là cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định kết quả nghiệm thu của UBND cấp xã. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức nghiệm thu đối với bên thuê là doanh nghiệp, tổ chức khác. Công tác nghiệm thu có sự tham gia của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**1.4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:**

a) Đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân thuê quyền sử dụng đất (cho cả bên thuê và bên cho thuê) gửi UBND cấp xã (đối với bên thuê là cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã); gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với bên thuê là doanh nghiệp, tổ chức khác), kèm theo kế hoạch sản xuất và Cam kết sản xuất cà rốt/tỏi tập trung tối thiểu 03 năm kể từ khi được hỗ trợ tích tụ ruộng đất có xác nhận của UBND cấp xã;

b) Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất có công chứng hoặc chứng thực của UBND cấp xã kèm theo bảng kê diện tích thuê quyền sử dụng đất có ký nhận của hộ gia đình, cá nhân có ruộng cho thuê; trích lục thửa đất thuê.

**2. Hỗ trợ kinh phí sản xuất cà rốt, tỏi tập trung**

**2.1. Mức hỗ trợ:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất cà rốt, tỏi tập trung được hỗ trợ kinh phí với mức 15 triệu đồng/ha/năm.

**2.2. Điều kiện hỗ trợ:**

Diện tích hỗ trợ có quy mô sản xuất tập trung từ 02 ha trở lên; nằm trong vùng quy hoạch, kế hoạch sản xuất tỏi, cà rốt tập trung của cấp có thẩm quyền;

**2.3. Công tác nghiệm thu:** UBND cấp xã tổ chức nghiệm thu đối với diện tích sản xuất tỏi, cà rốt của cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định kết quả nghiệm thu của UBND cấp xã. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiệm thu diện tích sản xuất cây tỏi, cà rốt của doanh nghiệp, tổ chức khác; công tác nghiệm thu có sự tham gia của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**2.4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:**

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã), gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với doanh nghiệp, tổ chức khác);

b) Bảng tổng hợp diện tích, số tiền đề nghị hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp xã lập (đối với cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã);

c) Bảng kê diện tích, mức hỗ trợ và số tiền được hỗ trợ, có ký nhận của đối tượng nhận hỗ trợ do cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc thôn lập, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã); Bảng kê diện tích sản xuất tỏi, cà rốt do doanh nghiệp, tổ chức lập (đối với doanh nghiệp, tổ chức khác); trích lục thửa đất thuê.

**3.** **Hỗ trợ Tổ tích tụ ruộng đất để hình thành vùng sản xuất cà rốt, tỏi tập trung**

**3.1. Mức hỗ trợ:**

Tổ tích tụ tập trung ruộng đất được hỗ trợ với mức 500.000 đồng/ha đất tập trung.

**3.2. Điều kiện hỗ trợ:**

Tổ hỗ trợ do UBND cấp xã thành lập để tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hình thành vùng sản xuất tỏi, cà rốt tập trung.

**3.3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:**

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ của Tổ gửi UBND cấp xã;

b) Bảng kê diện tích sản xuất tập trung thành vùng do Tổ lập, có ký nhận của các tổ chức, cá nhân thuê đất để hình thành vùng và có xác nhận của UBND cấp xã.

**Điều 5.** **Hỗ trợ vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, cơ sở sản xuất ương dưỡng giống thủy đặc sản**

**1.** **Hỗ trợ con giống nuôi thuỷ đặc sản có giá trị kinh tế cao**

**1.1. Mức hỗ trợ:**

Hỗ trợ 50% kinh phí mua con giống thuỷ giống đặc sản có giá trị kinh tế cao với mức tối đa không quá 500 triệu đồng /tổ chức, cá nhân.

**1.2. Điều kiện hỗ trợ:**

a) Tổ chức, cá nhân nuôi thuỷ đặc sản nằm trong HTX hoặc nằm trong vùng nuôi thuỷ sản tập trung ao đất có diện tích 10 ha trở lên; vùng nuôi cá lồng có từ 50 lồng trở lên; Sản xuất với quy mô nuôi trong ao đất có diện tích mặt nước từ 1.500 m2 trở lên, nuôi lồng từ 3 lồng trở lên; Có đủ điều kiện ao, lồng nuôi thuỷ đặc sản;

b) Có phương án, quy trình sản xuất đối tượng thuỷ đặc sản được cơ quan quản lý chuyên ngành thuỷ sản cấp huyện xác nhận và cam kết thực hiện đúng phương án đã được xác nhận.

c) Cam kết thực hiện từ 03 năm trở lên (kể từ sau khi hoàn thành, đưa vào sử dụng) có xác nhận của UBND cấp xã và chấp hành đúng các quy định liên quan của pháp luật;

d) Danh mục đối tượng thuỷ đặc sản nằm trong danh mục do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hằng năm.

đ) Có biên bản xác định số lượng cá khi thả giống của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã; của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn doanh nghiệp, tổ chức khác.

e) Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương trở lên. Có giấy kiểm dịch đối với con giống thuỷ đặc sản được mua bán từ ngoài tỉnh.

g) Giá hỗ trợ là giá thực tế dựa trên hóa đơn tài chính và chứng thư thẩm định giá của doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá hoặc giá trúng thầu;

**1.3. Công tác nghiệm thu:**

Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiệm thu diện tích, đối tượng, số lượng thuỷ đặc sản của cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiệm thu diện tích, số lượng, đối tượng thuỷ đặc sản của doanh nghiệp, tổ chức khác. Công tác nghiệm thu có sự tham gia của UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**1.4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:**

a) Đơn đề nghị hỗ trợ gửi UBND cấp huyện thông qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với cá nhân, tổ hợp tác, HTX); gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với doanh nghiệp, tổ chức khác) kèm theo bản cam kết tham gia sản xuất từ 03 năm trở lên (kể từ sau khi hoàn thành, đưa vào sử dụng) có xác nhận của UBND cấp xã;

b) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính mua con thuỷ giống đặc sản; chứng thư thẩm định giá của doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá hoặc quyết định trúng thầu;

**2.** **Hỗ trợ phương án đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản**

**2.1. Mức hỗ trợ**:

Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo kết cấu hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Hệ thống ao (bể) cấp và xử lý nước, ao nuôi, ương dưỡng giống thuỷ sản; khu sinh sản (bể ấp, bể đẻ); kho bảo quản vật tư (thức ăn, thuốc, hoá chất, chế phẩm sinh học) và nhà làm việc, khu giới thiệu sản phẩm; hệ thống sục khí oxy, cho ăn… Tối đa 3 tỷ đồng/phương án.

**2.2. Điều kiện hỗ trợ:**

a) Địa điểm xây dựng phù hợp kế hoạch sử dụng đất của địa phương~~;~~

b) Có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản;

c) Có Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định;

d) Cam kết thực hiện từ 03 năm trở lên có xác nhận của UBND cấp xã (kể từ sau khi hoàn thành, đưa vào sử dụng) và chấp hành đúng các quy định liên quan của pháp luật;

đ) Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương trở lên;

e) Giá hỗ trợ là giá thực tế dựa trên hóa đơn tài chính và chứng thư thẩm định giá của doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá hoặc giá trúng thầu nhưng không vượt quá định mức các nội dung hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

g) Ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư.

**2.3. Thủ tục hỗ trợ:**

Chủ đầu tư làm văn bản đề nghị phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ phương án, kèm theo 06 bộ hồ sơ (Thuyết minh phương án và thiết kế, Dự toán kinh phí, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất, Trích lục bản đồ thửa đất) gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xây dựng phương án, xem xét, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ phương án.

Sau khi thực hiện xong phương án và tổ chức sản xuất, chủ đầu tư làm văn bản đề nghị nghiệm thu kèm theo hồ sơ hoàn công, giải pháp bảo vệ môi trường gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan nghiệm thu. Trên cơ sở kết quả nghiệm thu, chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ.

**2.4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:**

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ của chủ đầu tư gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kèm theo bản cam kết duy trì sản xuất có xác nhận của UBND cấp xã;

b) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn tài chính mua vật tư, máy móc, thiết bị; chứng thư thẩm định giá của doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá hoặc quyết định trúng thầu.

**3.** **Hỗ trợ chuyển giao KHCN cho các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống công nghệ cao nhằm lưu giữ, chọn tạo đối tượng đặc sản, giống thuỷ sản giá trị kinh tế cao**

**3.1. Mức hỗ trợ:**

Hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/01 bản quyền công nghệ được chuyển giao.

**3.2. Điều kiện hỗ trợ:**

a) Cơ sở cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống được cấp giấy đủ điều kiện sản xuất ương dưỡng giống;

b) Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định;

c) Bản quyền khoa học công nghệ thuỷ sản chuyển giao nằm trong đối tượng tượng khuyến khích phát triển của cấp có thẩm quyền;

d) Danh mục bản quyền công nghệ chuyển giao cho các cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ đặc sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hằng năm.

**3.3. Trình tự thủ tục hỗ trợ:**

a) Chủ cơ sở làm đơn đề nghị gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kèm theo 06 bộ hồ sơ gồm: thuyết minh phương án (sự cần thiết, mục tiêu, nội dung, giải pháp thực hiện, kinh phí, tiến độ thực hiện...); báo cáo tài chính của đơn vị chủ trì 02 năm gần nhất; giấy tờ nhiệm thu đánh giá công nhận đối với xuất xứ, bản quyền công nghệ chuyển giao; bản cam kết chuyển giao bản quyền công nghệ, bản quyền công nghệ kèm hồ sơ năng lực của đơn vị chuyển giao;

b) Sau khi thực hiện xong chuyển giao bản quyền công nghệ, Chủ cơ sở làm văn bản đề nghị nghiệm thu kèm theo hồ sơ (đơn đề nghị; báo cáo kết quả thực hiện, bản quyền chuyển giao công nghệ; Bảng tổng hợp báo cáo tài chính liên quan đến nội dung thực hiện nhiệm vụ; hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn tài chính...);

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức Hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện chuyển giao bản quyền công nghệ. Trên cơ sở kết quả nghiệm thu, Chủ cơ sở gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ.

**3.4. Hồ sơ thanh toán:**

a) Báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ của đơn vị chủ trì;

b) Quyết định, biên bản họp hội đồng nghiệm thu, kết quả dự án, bản quyền chuyển giao KHCN;

c) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn tài chính liên quan đến thực hiện phương án, bản quyền công nghệ.

**Điều 6.** **Hỗ trợ phương án xây dựng cơ sở bảo quản, chế biến nông sản**

**1. Mức hỗ trợ:**

Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng nhà xưởng, máy móc, thiết bị, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện trong hàng rào và hệ thống xử lý chất thải. Mức hỗ trợ tối đa 15 tỷ đồng/phương án.

**2. Điều kiện hỗ trợ:**

a) Phương án sử dụng tối thiểu 50% nguyên liệu chế biến, bảo quản là nguyên liệu được sản xuất, chế biến tại địa phương (thuộc địa bàn cấp tỉnh) và sử dụng tối thiểu 30% lao động thường trú hoặc đăng ký thường trú tại địa phương (cấp tỉnh), nơi thực hiện Phương án.

b) Địa điểm xây dựng phù hợp kế hoạch sử dụng đất của địa phương. Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Cam kết thực hiện từ 3 năm trở lên có xác nhận của UBND cấp xã (kể từ sau khi hoàn thành, đưa vào sử dụng) và chấp hành đúng các quy định liên quan của pháp luật;

d) Giá hỗ trợ là giá thực tế dựa trên hóa đơn tài chính và chứng thư thẩm định giá của doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá hoặc giá trúng thầu nhưng không vượt quá định mức các nội dung hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

đ) Ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư;

**4. Thủ tục hỗ trợ:**

Chủ đầu tư làm văn bản đề nghị phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ phương án, kèm theo 06 bộ hồ sơ (Thuyết minh phương án và thiết kế, Dự toán kinh phí, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất, Trích lục bản đồ thửa đất, kết quả kiểm toán độc lập) gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xây dựng phương án, xem xét, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt nội dung và mức hỗ trợ phương án.

Sau khi thực hiện xong phương án và tổ chức sản xuất, chủ đầu tư làm văn bản đề nghị nghiệm thu kèm theo hồ sơ hoàn công, giải pháp bảo vệ môi trường gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan nghiệm thu. Trên cơ sở kết quả nghiệm thu, chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ.

**5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:**

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ của chủ đầu tư gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có cam kết duy trì sản xuất từ 03 năm trở lên;

b) Kết quả kiểm toán độc lập;

c) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương trở lên.

d) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá đơn tài chính liên quan.

**Điều 7.** **Hỗ trợ hình thành hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm**

**1.** **Mức hỗ trợ:**

Hỗ trợ cho các hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm với mức hỗ trợ: 70 triệu đồng/HTX, tổ hợp tác/năm trong ba năm đầu.

**2. Điều kiện hỗ trợ:**

a) HTX, tổ hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm mới được hình thành;

b) HTX, THT đã có liên kết sản xuất với quy mô tối thiểu 50 ha với sản xuất rau màu, 100 ha với sản xuất lúa; đã thực hiện hợp đồng liên kết tiêu thụ nông sản với sản lượng tối thiểu 50% tổng sản lượng của vùng liên kết (sản lượng tính theo năng suất trung bình của Chi cục Thống kê tại địa phương).

**3. Công tác nghiệm thu:**

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi sản xuất tiến hành nghiệm thu. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định kết quả nghiệm thu của UBND cấp xã.

**4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:**

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, bảng kê hàng hoá thu mua, chứng từ chi trả tiền mua nông sản của đơn vị thu mua.

**Điều 8.** **Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng để đạt tiêu chí được công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và vùng sản xuất chỉ dẫn địa lý: Ưu tiên phân bổ kinh phí để thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng tại vùng nông nghiệp ứng dụng CNC của huyện Gia Bình, Lương Tài theo luật đầu tư công.**

**1. Nguyên tắc hỗ trợ:**

Vốn đầu tư công ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện Phương án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC và vùng sản xuất chỉ dẫn địa lý trên địa bàn huyện Gia Bình, Lương Tài.

**2.** **Nội dung và mức hỗ trợ:**

Dùng vốn đầu tư công ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư xây dựng các hạng mục công trình thủy lợi nội đồng, đường giao thông nội đồng, hệ thống điện, công trình xử lý nước thải chung.

**3. Điều kiện hỗ trợ:**

Vùng sản xuất chuyên canh tập trung: vùng sản xuất rau an toàn quy mô 100 ha trở lên, vùng sản xuất giống lúa quy mô 100 ha trở lên, vùng sản xuất cây ăn quả lâu năm quy mô 300 ha trở lên, vùng sản xuất giống thủy sản quy mô 20ha trở lên, phù hợp với quy hoạch của cấp có thẩm quyền hoặc vùng được chứng nhận chỉ dẫn địa lý.

**4. Trình tự, thủ tục hỗ trợ:**

a) UBND cấp xã có nhu cầu hỗ trợ gửi văn bản đề nghị hỗ trợ về UBND cấp huyện.

b) UBND cấp huyện rà soát, đề nghị nhu cầu hỗ trợ gửi đơn đề nghị hỗ trợ gồm: chi tiết danh mục dự án và nhu cầu kinh phí hỗ trợ trên địa bàn huyện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (thông tin chi tiết dự án có biểu/phụ lục đính kèm bao gồm: tên dự án, địa điểm, tổng mức, nguồn vốn, đơn vị chủ đầu tư, nguồn vốn.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan rà soát điều kiện, nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục các dự án, dự kiến mức vốn hỗ trợ cho các dự án, cơ quan được giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

d) Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan thực hiện rà soát trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục các phương án hỗ trợ.

UBND cấp huyện có trách nhiệm giao cơ quan chuyên môn lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và tổ chức thẩm định, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công.

Việc thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn phải thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công làm cơ sở phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

**5. Về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn:**

Thực hiện dự án theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh về quy định quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

**6. Về giao kế hoạch vốn hàng năm của Ngân sách tỉnh cho dự án:**

Tổng hợp danh mục các dự án trên địa bàn đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định, đề xuất nhu cầu vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ cho dự án trong năm kế hoạch gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư (*kèm theo quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án*) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định cấp vốn.

**7. Hồ sơ thanh toán:**

Thực hiện việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo Luật đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và văn bản khác có liên quan.

**Chương III**

**THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Điều 9. Thủ tục hành chính đối với các nội dung hỗ trợ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.

b) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ thì trong thời gian 1/2 ngày làm việc cán bộ tiếp nhận hồ sơ viết giấy biên nhận giao cho người nộp và chuyển hồ sơ cho cán bộ chuyên môn giải quyết.

2. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cán bộ chuyên môn xem xét tính hợp lệ của hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp xã.

a) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cán bộ chuyên môn trình Ủy ban nhân dân cấp xã văn bản hướng dẫn chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ để trả lời cá nhân, tổ chức (qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã).

b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cán bộ chuyên môn thẩm định hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ.

4. Trong thời gian 1/2 ngày làm việc kể từ khi có Quyết định hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại nơi tiếp nhận hồ sơ để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ, thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân được hỗ trợ.

**Điều 10. Thủ tục hành chính đối với các nội dung hỗ trợ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp tại Trung tâm hành chính công cấp huyện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định.

b) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ thì trong thời gian 1/2 ngày làm việc cán bộ tiếp nhận hồ sơ viết giấy biên nhận giao cho người nộp và chuyển hồ sơ cho cơ quan chuyên môn giải quyết.

2. Trong thời gian 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn xem xét tính hợp lệ của hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan chuyên môn có trách nhiệm trả lời cá nhân, tổ chức bằng văn bản và hướng dẫn chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ (qua Trung tâm Hành chính công cấp huyện).

b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ cơ quan chuyên môn thẩm định hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ban hành Quyết định hỗ trợ.

4. Trong thời hạn 1/2 ngày làm việc kể từ khi có Quyết định hỗ trợ, Ủy ban nhân cấp huyện chuyển cho bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại nơi Tiếp nhận hồ sơ để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hỗ trợ, thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân được hỗ trợ.

**Điều 11. Thủ tục hành chính đối với các nội dung hỗ trợ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ nộp về Trung tâm Hành chính công tỉnh.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung đầy đủ theo quy định;

b) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, trong thời gian 1/2 ngày làm việc cán bộ tiếp nhận hồ sơ viết giấy biên nhận giao cho người nộp và chuyển hồ sơ cho cơ quan chuyên môn giải quyết.

2. Trong thời gian 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.

a) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và hướng dẫn chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ (qua Trung tâm Hành chính công tỉnh).

b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản gửi Sở Tài chính, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ.

**Chương IV**

**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN VỐN, PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT, THANH TOÁN VÀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

**Điều 12. Lập kế hoạch và giao dự toán**

**Điều 13. Quản lý, sử dụng nguồn vốn, quyết toán, công khai và chế độ báo cáo**

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

**Điều 15. Sửa đổi, bổ sung quy định**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.